

KẾ HOẠCH

Đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 553/QĐ-UBND
Ngày 29/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Đổi mới cơ chế trong công tác quản lý Nhà nước về hoạt động khoáng sản, phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường, đảm bảo thực hiện cấp Giấy phép hoạt động khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010.

1.2. Triển khai thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo đúng quy định của pháp luật, trên nguyên tắc độc lập, trung thực, công khai, minh bạch, công bằng, khách quan và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tham gia đấu giá; khai thác sử dụng hợp lý, có hiệu quả khoáng sản; hạn chế thất thoát tài nguyên, tăng hiệu quả kinh tế và nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

1.3. Đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng thông thường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

1.4. Xác định rõ vai trò và trách nhiệm của các Sở, ngành liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố trong công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

2. Yêu cầu

2.1. Rà soát, lựa chọn loại khoáng sản, khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá, xây dựng kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực khoáng sản trong kỳ quy hoạch khoáng sản đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nằm ngoài khu vực đã được UBND tỉnh khoanh định không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật).

2.2. Cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản do tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp điều hành (sau đây gọi là tổ chức đấu giá tài sản) và chỉ được tiến hành khi có từ 02 (hai) tổ chức, cá nhân trở lên tham gia đấu giá.

2.3. Đấu giá quyền khai thác khoáng sản được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín trực tiếp tại cuộc đấu giá và theo phương thức trả giá lên. Giá khởi điểm của khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá được xác định tại thời điểm trước khi thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Các khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2020, tổng số 33 khu vực mỏ (bao gồm: 25 khu mỏ đất san lấp; 04 khu mỏ đất làm gạch; 04 khu mỏ cát sỏi), với tổng diện tích 150,37 ha (*thông tin chi tiết từng khu vực tại Phụ lục kèm theo*).

2. Phương thức tiến hành: Trình tự, thủ tục đấu giá quyền khai thác khoáng sản được thực hiện theo Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và Nghị định của Chính phủ về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

3. Thời gian thực hiện: Trong năm 2020, được chia làm 02 đợt: đợt I, trong tháng 8/2020; đợt II, trong tháng 10/2020 (*chi tiết theo Phụ lục đính kèm*).

Trường hợp các khu vực mở đưa ra đấu giá trong đợt I/2020 không thực hiện xong thì được chuyển tiếp sang đợt II/2020 để tổ chức đấu giá. Nếu trong năm 2020 chưa thực hiện xong theo Kế hoạch đã được phê duyệt, thì các mỏ còn lại sẽ được chuyển sang đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong những năm tiếp theo.

4. Kinh phí thực hiện: Theo quy định tại Điều 10, Điều 12 Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC và quy định của pháp luật khác có liên quan.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

1.1. Chủ trì, phối hợp với ngành, UBND các huyện có khoáng sản đấu giá xem xét các vấn đề liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất trước khi tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản để bảo đảm tổ chức, cá nhân trúng đấu giá đủ điều kiện hoạt động khoáng sản.

1.2. Xác định giá khởi điểm, bước giá của từng khu vực mỏ khoáng sản đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định. Niêm yết công khai giá khởi điểm được phê duyệt tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của Sở; thông báo bằng văn bản về bước giá được phê duyệt cho tổ chức đấu giá tài sản đối với từng cuộc đấu giá theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

1.3. Thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Sở và Cổng thông tin Quốc gia về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản; thực hiện lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn theo quy định tại Điều 56 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

1.4. Ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với tổ chức đấu giá tài sản để thực hiện việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 33 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

1.5. Lập dự toán kinh phí đảm bảo cho hoạt động đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Điều 11, Điều 12 Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.

1.6. Chịu trách nhiệm lập và xác nhận hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản của từng khu vực mỏ khoáng sản đưa đấu giá có các nội dung chính theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP.

1.7. Thực hiện xét chọn hồ sơ đề nghị tham gia cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản và chuyển hồ sơ đấu giá của các tổ chức, cá nhân được xét chọn cho tổ chức đấu giá tài sản để thực hiện đấu giá. Thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân liên quan không được xét chọn, trong đó nêu rõ lý do không được xét chọn;

đồng thời, thông báo công khai danh sách tổ chức, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá tại Trụ sở cơ quan trước khi tiến hành cuộc đấu giá.

1.8. Trình UBND tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá; thông báo công khai kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Trụ sở cơ quan và trang thông tin điện tử của Sở ngay sau khi kết thúc cuộc đấu giá theo quy định tại Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP.

1.9. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

2. Sở Tư pháp: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản để điều hành cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

3. Sở Tài chính:

3.1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xác định giá khởi điểm, bước giá của từng khu vực mỏ khoáng sản đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

3.2. Thẩm định dự toán kinh phí đảm bảo cho hoạt động đấu giá quyền khai thác khoáng sản do Sở Tài nguyên và Môi trường lập, trình UBND tỉnh phê duyệt.

4. Văn phòng UBND tỉnh:

4.1. Đăng tải Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản, thông tin về cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản; danh sách tổ chức, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh theo Khoản 3 Điều 14, Khoản 1 Điều 18 và Khoản 5 Điều 19 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP.

4.2. Thông báo công khai kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh ngay sau khi kết thúc cuộc đấu giá theo quy định tại Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP.

5. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Xây dựng: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan liên quan chuẩn bị đầy đủ điều kiện, đảm bảo cho việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định; thực hiện các nội dung liên quan đến đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

6. Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh: Thông báo công khai, rộng rãi, đầy đủ thông tin về các khu vực mỏ đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Kế hoạch này và thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá theo quy định.

7. UBND các huyện nơi có khoáng sản đấu giá (Lục Nam, Lạng Giang, Yên Dũng, Tân Yên, Việt Yên, Lục Ngạn):

7.1. Thông báo công khai thông tin về cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại trụ sở cơ quan và đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBND huyện.

7.2. Chỉ đạo UBND cấp xã nơi có khoáng sản đưa ra đấu giá niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan và thông báo trên Đài phát thanh về kế hoạch đấu giá được phê duyệt, thông tin về cuộc đấu giá để tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá và nhân dân địa phương biết.

8. Tổ chức đấu giá tài sản có trách nhiệm:

8.1. Ban hành và thông báo công khai Quy chế cuộc đấu giá áp dụng cho từng cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 34 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

8.2. Niêm yết và thông báo công khai việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 35, Điều 57 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP.

8.3. Bán hồ sơ mời đấu giá và tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Thông báo bằng văn bản về thời gian, địa điểm họp trao đổi về các thông tin liên quan đến cuộc đấu giá; thời điểm khảo sát thực địa khu vực đấu giá và thời gian nộp tiền đặt trước cho tổ chức, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá.

8.4. Thỏa thuận, thống nhất với Sở Tài nguyên và Môi trường về khoản tiền đặt trước của từng khu vực mỏ khoáng sản đưa ra đấu giá đảm bảo theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP.

Tiền đặt trước của tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản được gửi vào tài khoản thanh toán riêng của tổ chức đấu giá tài sản trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc trước ngày mở cuộc đấu giá theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và không phát sinh tiền lãi.

Tổ chức đấu giá tài sản không được sử dụng tiền đặt trước của tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá vào bất kỳ mục đích nào khác và trả lại khoản tiền đặt trước cho tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá không trúng đấu giá trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP.

8.5. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của tổ chức đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

9. Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá và trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Nghị định số 22/2012/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC và các quy định của pháp luật khác có liên quan về đấu giá tài sản.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này nếu có vướng mắc các Sở, cơ quan, UBND các huyện kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**Phụ lục: Danh mục các khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản
làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2020**

(Kèm theo Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang)

TT	Địa điểm	Diện tích (ha)	Trữ lượng, tài nguyên dự báo (m ³)	Hiện trạng khu vực mỏ	Thời gian thực hiện	Ghi chú
I	Đợt I: 18 khu vực	88,67	9.896.000			
I.1	Đất san lấp (16)	75,99	9.390.000			
1	Khu vực Hồ Dừng, thôn Tòng Lệnh 2, xã Trường Giang, huyện Lục Nam	5,0	1.000.000	Đất rừng sản xuất	Tháng 8/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản
2	Khu vực Hang Khổng, Góc Ngái, thôn Kim Xa, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam	5,99	1.100.000	Đất rừng sản xuất	Tháng 8/2020	Đã có kết quả thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản (tại Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 5/6/2017 của UBND tỉnh)
3	Khu vực rừng Đèo, thôn Bảo Lộc 1, xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam	5,0	500.000	Đất rừng sản xuất	Tháng 8/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản
4	Khu vực rừng Quan, thôn Bảo Lộc 1, xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam	5,0	500.000	Đất rừng sản xuất	Tháng 8/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản
5	Khu vực Dốc Cửa Khuôn, thôn Quỳnh Cả, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam	4,0	480.000	Đất rừng sản xuất	Tháng 8/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản
6	Khu vực rừng Đồng Tháp, thôn Nghè 1, xã Tiên Nha, huyện Lục Nam	6,0	800.000	Đất rừng sản xuất	Tháng 8/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản
7	Khu vực Hồ Ráy, thôn An Phú, xã Cương Sơn, huyện Lục Nam	3,5	500.000	Đất rừng sản xuất	Tháng 8/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản
8	Khu vực núi Mào Gà, thôn Hồ Sâu, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam	5,0	750.000	Đất rừng sản xuất	Tháng 8/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản

TT	Địa điểm	Diện tích (ha)	Trữ lượng, tài nguyên dự báo (m ³)	Hiện trạng khu vực mở	Thời gian thực hiện	Ghi chú
9	Khu vực Cửa Khuôn, Đập Dốc Vang, thôn Quỳnh Cả, thôn Đông Man, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam	4,0	300.000	Đất rừng sản xuất	Tháng 8/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản
10	Khu vực đồi Trại Chín, thôn Phương Sơn, xã Trí Yên và thôn Quỳnh Sơn, xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng	4,0	600.000	Đất rừng sản xuất, đất trồng cây lâu năm	Tháng 8/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản
11	Khu vực Núi Giữa, thôn Um Ngò, xã Việt Lập, huyện Tân Yên	2,4	200.000	Đất rừng sản xuất	Tháng 8/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản
12	Khu vực Tân Phúc, thôn Tân Phúc, xã Đào Mỹ, huyện Lạng Giang	3,0	360.000	Đất rừng sản xuất	Tháng 8/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản
13	Khu vực Đồng Mục, thôn Dầu, xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang	6,5	1.050.000	Đất rừng sản xuất	Tháng 8/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản
14	Khu vực Rừng Cắm, thôn Nam Lễ, xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang	4,8	400.000	Đất rừng sản xuất	Tháng 8/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản
15	Khu vực đồi Hố Mốc, thôn Hương 8, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang	7,0	700.000	Đất rừng sản xuất	Tháng 8/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản
16	Khu vực Cây Vả, thôn Hố Vầu, xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang	4,8	400.000	Đất rừng sản xuất	Tháng 8/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản
1.2	Đất làm gạch (02)	12,8	506.000			
1	Khu vực Vườn Cũ, thôn Vườn, xã Đan Hội, huyện Lục Nam	5,2	156.000	Đất bằng chưa SD	Tháng 8/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản
2	Khu vực Dộc Đầm, Trại Cũ, thôn Mai Sơn, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam	7,6	350.000	Đất trồng lúa một vụ	Tháng 8/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản

TT	Địa điểm	Diện tích (ha)	Trữ lượng, tài nguyên dự báo (m ³)	Hiện trạng khu vực mỏ	Thời gian thực hiện	Ghi chú
II	Đợt II (15 khu vực)	61,7	5.046.000			
II.1	Đất san lấp (09)	33,7	4.250.000			
1	Khu vực núi Tiêu, thôn Hương, xã Liên Chung, huyện Tân Yên	6,0	750.000	Đất rừng sản xuất	Tháng 10/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản
2	Khu vực Hồ Dầy, thôn Kép 11, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang	5,0	750.000	Đất rừng sản xuất	Tháng 10/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản
3	Khu vực Rừng Giếng, thôn Hồ Vầu, xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang	3,0	250.000	Đất rừng sản xuất	Tháng 10/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản
4	Khu vực Hồ Nóng, thôn Hương Thân, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang	3,7	500.000	Đất rừng sản xuất	Tháng 10/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản
5	Khu vực đồi Thiết Nham, thôn Thiết Nham, xã Minh Đức, huyện Việt Yên	4,0	450.000	Đất rừng sản xuất	Tháng 10/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản
6	Khu vực núi Ba Cây, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên	1,0	100.000	Đất rừng sản xuất	Tháng 10/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản
7	Khu vực núi Phang, thôn Mỏ Thổ, xã Minh Đức, huyện Việt Yên	2,0	200.000	Đất rừng sản xuất	Tháng 10/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản
8	Khu vực núi Khổng, thôn Mỏ Thổ, xã Minh Đức, huyện Việt Yên	4,0	500.000	Đất rừng sản xuất	Tháng 10/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản
9	Khu đồi Tròn (Hồ Lầy), thôn Bình An, xã Huyền Sơn, huyện Lục Nam	5,0	750.000	Đất rừng sản xuất	Tháng 10/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản
II.2	Đất làm gạch (02)	15,6	610.000			
1	Khu vực Đồng Trang, thôn Hạ, xã Thượng Lan, huyện Việt Yên	9,0	360.000	Đất trồng lúa một vụ	Tháng 10/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản
2	Khu vực thôn Mỏ Thổ, xã Minh Đức, huyện Việt Yên	6,6	250.000	Đất trồng lúa một vụ, hiện đang để hoang hóa	Tháng 10/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản

TT	Địa điểm	Diện tích (ha)	Trữ lượng, tài nguyên dự báo (m ³)	Hiện trạng khu vực mỏ	Thời gian thực hiện	Ghi chú
II.3	Cát, sỏi (04)	12,4	186.000			
1	Khu vực thôn Phúc Kiến, xã Đồng Cốc và thôn Lại Tân, xã Tân Lập, huyện Lục Ngạn	3,5	52.500	Bãi cạn, gò nổi trên sông	Tháng 10/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản
2	Khu vực thôn Ao Mít, xã Đồng Cốc và thôn Lại Tân, xã Tân Lập, huyện Lục Ngạn	2,2	33.000	Bãi cạn, gò nổi trên sông	Tháng 10/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản
3	Khu vực thôn Bãi Du, xã Đông Cốc, thôn Đồng Cỏ, xã Phú Nhuận và thôn Cà Phê, xã Tân Lập, huyện Lục Ngạn	3,0	45.000	Bãi cạn, gò nổi trên sông	Tháng 10/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản
4	Khu vực thôn Đồng Cỏ, xã Phú Nhuận và thôn Cà Phê, xã Tân Lập, huyện Lục Ngạn	3,7	55.500	Bãi cạn, gò nổi trên sông	Tháng 10/2020	Chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản
	Tổng cộng (I+II): 33 khu vực	150,37	14.942.000			